TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **Tỉnh Bến Tre**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 99/2018/DS- ST
Ngày: 09-5-2018.
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chót
- Ông Lê Văn Mứt

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Tơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Y-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST– DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 712/2018/QĐST –DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Nguyễn Thị K, sinh năm 1985, địa chỉ: 79/2 ấp AĐ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- **Bị đơn:** Trần Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: 156/2 ấp AĐ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Lê Văn Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: 79/2 ấp AĐ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh Đ ủy quyền cho chị Nguyễn Thị K tham gia tố tụng.

2. Võ Văn U, sinh năm 1973; địa chỉ: 156/2 ấp AĐ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị K đồng thời được sự ủy quyền của anh Lê Văn Đ trình bày:

Trước đây chị làm chủ nhiều dây hụi, chị N có tham gia nhiều phần hụi nhưng do thời gian đã lâu nên chị không nhớ cụ thể thời gian khui và mãn hụi khi nào. Chị N kêu và hốt hụi nên chị có nhiều lần giao tiền hụi đầy đủ cho chị N. Sau khi hốt hụi chị N không góp hụi lại như cam kết nên tính đến ngày 18/7/2016 thì chị N còn nợ chị số tiền hụi chết là

70.000.000 đồng. Sau đó chị N có vay chị số tiền 10.000.000 đồng nhưng chị không nhớ rõ thời gian nào. Sau khi vay chị N có trả lãi đầy đủ nhưng từ năm 2016 đến nay chị N không trả vốn và lãi cho chị.

Ngoài ra chị N còn nợ chị 10 chỉ vàng 24k loại 9999, số vàng này được quy ra từ tiền hụi của nhiều năm trước. Chị N không có trả lãi cho số vàng này.

Do chị N không góp hụi và không trả tiền vay, nợ vàng cho chị nên ngày 18/7/2016 chị N có viết cho chị 01 biên nhận thừa nhận có nợ chị 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999.

Việc chị N chơi hụi, vay tiền là để phục vụ sinh hoạt chung của gia đình và nuôi tôm công nghiệp, anh Võ Văn U hoàn toàn biết sự việc nêu trên.

Số vàng và tiền chị N còn nợ là tài sản chung của chị và chồng chị là anh Lê Văn Đ. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh U và chị N phải liên đới trả cho chị và anh Đ số tiền 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Trần Thị N trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của chị N là đúng. Tuy nhiên việc chị N cho rằng giao tiền hụi đầy đủ cho chị là không đúng, chị có tham gia nhiều phần hụi do chị N làm chủ hụi. Từ năm 2004 cho đến nay, chị có kêu hụi, hốt hụi nhưng hốt phần này thì góp hụi vào phần khác, mỗi lần hốt hụi thì chị đều bị lỗ nên từ đó chị không có khả năng góp hụi cho chị K nên tính đến ngày 18/7/2016 thì chị còn nợ chị K số tiền hụi là 70.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu chị không nhớ rõ chị tham gia bao nhiêu phần hụi nên chị không trình bày cụ thể được.

Năm 2013 chị có vay của chị N 10.000.000 đồng để góp các phần hụi mà chị đã tham gia, hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, chị trả lãi đầy đủ cho chị K từ khi vay cho đến ngày 18/7/2016.

Đối với 10 chỉ vàng 24k loại 9999, chị không có vay hay mượn của chị K mà do chị nợ tiền hụi chị K nên chị K tính thành tiền rồi quy thành vàng, tính đến năm 2014 thì chị nợ chị K 30 chỉ vàng 24K loại 9999, chị đã trả cho chị 20 chỉ vàng và còn nợ lại 10 chỉ vàng đến nay chưa trả.

Chị thừa nhận biên nhận ngày 18/7/2016 mà chị K cung cấp cho Tòa án khi khởi kiện chị là do chị tự nguyện ký tên, tính đến thời điểm đó thì chị nợ chị K 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999. Việc chị chơi hụi, vay tiền và vàng là để phục vụ chung cho gia đình và nuôi tôm công nghiệp, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình là do chị tự xoay sở. Lúc đầu thì chồng chị không biết nhưng khi chị không có khả năng góp hụi thì chồng chị biết và chồng chị cũng đồng ý liên đới với chị trả nợ cho chị K.

Hiện nay kinh tế gia đình của chị và anh U rất khó khăn nên chị yêu cầu chị K cho chị và anh U trả nợ dần như sau: số tiền 80.000.000 đồng chị yêu cầu trả dần mỗi tháng

300.000 đồng, còn 10 chỉ vàng chị yêu cầu mỗi năm trả 0,5 chỉ vàng cho đến khi nào hết số nợ nêu trên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho chị Trần Thị N và anh Võ Văn U các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị N, anh U vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

1/. Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hồ sơ vụ án có cơ sở xác định hiện nay chị Trần Thị N và anh Võ Văn U còn nợ chị Nguyễn Thị K và anh Lê Văn Đ 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999. Nên áp dụng các Điều 471, 474, 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định số 144/2006/NĐ–CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Trần Thị N và anh Võ Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị K và anh Lê Văn Đ số tiền là 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Trần Thị K hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu ấp AĐ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng*:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho chị Trần Thị N và anh Võ Văn U các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị N, anh U vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị N và anh Võ Văn U.

[4]Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án chị K, chị N thống nhất hiện nay chị N và anh U còn nợ chị K và anh Đ số tiền 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999. Tại phiên tòa chị K yêu cầu chị N và anh U phải liên đới trả cho chị K và anh Đ số tiền 80.000.000 đồng, và 10 chỉ vàng 24K loại 9999; yêu cầu trả một lần; không yêu cầu tính lãi. Chị N đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng nhưng chị yêu cầu trả dần mỗi tháng 300.000

đồng, còn 10 chỉ vàng chị yêu cầu mỗi năm trả 0,5 chỉ vàng cho đến khi nào hết số nợ nêu trên. Xét thấy hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi giữa chị K, chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Chị N thừa nhận hiện nay chị N và anh U còn nợ chị K và anh Đ số tiền 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999 nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của chị K về việc buộc chị N và anh U phải liên đới trả cho chị K và anh Đ số tiền 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999; xét thấy. Mặc dù anh U không trực tiếp chơi hụi với chị K nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị N thừa nhận việc chị chơi hụi, vay tiền và vàng là để phục vụ chung cho gia đình và nuôi tôm công nghiệp, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình là do chị tự xoay sở. Lúc đầu thì anh U không biết nhưng khi chị không có khả năng góp hụi thì anh U biết và anh U cũng đồng ý liên đới với chị trả nợ cho chị K. Do chị N, anh U đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị K, anh Đ. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần buộc anh Võ Văn U có trách nhiệm liên đới với chị Trần Thị N để trả cho chị K và anh Đ số tiền 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k loại 9999 là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu trả nợ dần của chị N; xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án chị N không chứng minh được kinh tế gia đình đang khó khăn và tại phiên toà chị K cũng không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của chị N nên yêu cầu trả nợ dần của chị N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do chị K không yêu cầu tính tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] N đơn thống nhất giá 01 chỉ vàng 24k loại 9999 theo giá thị trường hiện nay là 3.650.000 đồng.

[9] Chị Trần Thị N và anh Võ Văn U phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: (10 chỉ vàng 24K loại 9999 x 3.650.000 đồng) + 80.000.000 đồng = 116.500.000 đồng x 5% = 5.825.000 đồng.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 471,474, 479 Bộ Luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/NĐ–CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Buộc chị Trần Thị N và anh Võ Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị K và anh Lê Văn Đ số tiền là 80.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K loại 9999.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Do chị K không yêu cầu chị N và anh U phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị N và anh Võ Văn U phải liên đới nộp 5.825.000 đồng (Năm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị K được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014206 ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS

.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân phieân toaø	**Thaåm phaùn – Chuû toaï**
Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt	**Huyønh Thò Pheâ**